ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 34 /TTr-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 4 năm 2014*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 2414 Ngày: 17/4 Chuyển:

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về đặt tên các tuyến đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn và thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình xây dựng nghị quyết năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI và trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 2248-CV/TU ngày 26 tháng 12 năm 2013 về việc đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng tại một số đô thị trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các sở, ban ngành, địa phương liên quan đã xây dựng Đề án đặt tên đường và công trình công cộng tại thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn và thành phố Quảng Ngãi.

Trên cơ sở Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh kính trình và đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về đặt tên các tuyến đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn và thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

- Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

- Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi (khóa XVIII) về phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

- Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đức Phổ đến năm 2020.

II. NỘI DUNG

1. Về đặt tên đường phố và công trình công cộng (giai đoạn 1) tại thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ

- Đề án đã được lấy ý kiến của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể của huyện Đức Phổ; niêm yết công khai lấy ý kiến nhân dân tại trụ sở UBND thị trấn Đức Phổ và các tổ dân phố trên địa bàn thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ; được đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Đức Phổ (khóa X) thảo luận, góp ý tại kỳ họp thứ 4;

- Về quy mô, tiêu chí đặt tên đường, theo Đề án có 49 tuyến đường và 02 công trình công cộng được đề nghị đặt tên:

+ Đường có mặt cắt từ 41m trở lên (02 đường);

+ Đường có mặt cắt từ 26m đến dưới 41m (09 đường);

+ Đường có mặt cắt từ 12m đến dưới 26m (20 đường);

+ Đường có mặt cắt từ 9m đến dưới 12m (04 đường);

+ Đường có mặt cắt từ 7m đến dưới 9m (14 đường);

+ 02 công trình công cộng.

Phạm vi các đường được đặt tên nằm trong quy hoạch chi tiết phân khu chức năng nội thị 475ha và vùng lân cận.

- Tổng số địa danh, danh nhân, sự kiện lịch sử văn hóa được chọn để đặt tên đường và công trình công cộng giai đoạn 1 là 51 tên *(49 tên đường, 02 tên công trình công cộng)*, trong đó:

+ Tên các danh nhân văn hóa, Anh hùng dân tộc, các nhà cách mạng tiêu biểu của đất nước đề nghị đặt tên đường 16/49 tuyến, đạt tỷ lệ 32,64%;

+ Tên các danh nhân, lãnh đạo tỉnh và huyện tiêu biểu qua các thời kỳ, các AHLLVT đề nghị đặt tên đường 26/49 tuyến, chiếm tỉ lệ 53,08% *(trong đó huyện Đức Phổ 14/49= 28,60%; tỉnh Quảng Ngãi 12/49= 24,48%)*;

+ Địa danh : 4/49 tuyến, chiếm tỉ lệ 8,16%;

+ Văn nghệ sĩ tiêu biểu: 3/49 tuyến, chiếm tỉ lệ 6,12%;

(Chi tiết tên đường và công trình công cộng tại Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Về đặt tên các tuyến đường tại thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn

Hội đồng tư vấn tiến hành thẩm định dự thảo Đề án đặt tên đường tại thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn vào ngày 5/3/2014, Đề án đã thực hiện đúng các quy định về đặt tên đường tại đô thị, thị trấn, lấy ý kiến góp ý của cơ quan ban ngành, địa phương, thông qua HĐND thị trấn, HĐND huyện. Hội đồng tư vấn thống nhất trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết đặt tên 25 tuyến đường tại thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, trong đó:

- Tên các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đặt tên cho 01/25 tuyến đường, chiếm tỷ lệ 4% (cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng);

- Danh nhân, Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, các chí sĩ yêu nước, các nhà hoạt động cách mạng tiêu biểu thời chống Pháp, chống Mỹ của huyện Bình Sơn: 22/25 tuyến đường, chiếm tỷ lệ 88%;

- Di tích lịch sử trên địa bàn huyện được đặt tên cho 01/25 tuyến đường, chiếm tỷ lệ là 4%;

- Tên huyện của tỉnh Nghệ An đặt tên cho 01/25 tuyến đường, chiếm tỷ lệ 4% (huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An là huyện kết nghĩa với huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).

(Chi tiết tên đường tại Phụ lục số 02 kèm theo).

3. Về đặt tên các tuyến đường trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi

Hội đồng tư vấn tiến hành xem xét, thẩm định dự thảo Đề án đặt tên các tuyến đường tại thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi và thống nhất trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh đặt tên cho 47 tuyến đường tại thành phố Quảng Ngãi, trong đó:

- Anh hùng lịch sử dân tộc: 11/47 tuyến đường, chiếm tỉ lệ 23,4%;

- Các văn nghệ sĩ tiêu biểu: 05/47 tuyến đường, chiếm tỷ lệ 10,6%;

- Danh nhân lịch sử: 10/47, chiếm tỉ lệ 21/3%;

- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân: 02/47, chiếm tỉ lệ 04,3%;

- Nhân vật lịch sử, địa danh tỉnh Quảng Ngãi: 18/47, chiếm tỉ lệ 38,3%;

- Danh lam thắng cảnh, địa danh quốc gia: 01/47, chiếm tỉ lệ 2,1%

(Chi tiết tên đường tại Phụ lục số 03 kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình và đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về đặt tên các tuyến đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn và thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ *(có dự thảo Nghị quyết kèm theo).*

(UBND tỉnh đã xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nội dung Đề án đặt tên đường tại thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ và thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn và thành phố Quảng Ngãi tại Công văn số 1320/UBND-VX ngày 14/4/2014).

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Ban: Pháp chế, VHXH, KTNS HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- VPUB: CVP, PCVP (VX), NC, CBTH;
- Lưu: VT, VHXH.qn270

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Thích

PHỤ LỤC 01

Đặt tên đường và công trình công cộng

tại đô thị thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ

(Kèm theo Tờ trình số 34 /TTr-UBND ngày 14/4/2014

của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐẶT TÊN

1. Đường: **Nguyễn Tất Thành** - tuyến ký hiệu 01.

- *Đường tránh Đông.*
- Điểm đầu giáp đầu cầu Bà Hợi (xã Phổ Ninh),
- Điểm cuối giáp trạm Cảnh sát giao thông Đức Phổ.
- Chiều dài: 9,712km.
- Mặt cắt ngang: 62.5m
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

2. Đường: **Ngô Quyền** - tuyến ký hiệu 02.

- *Đường tránh Đông đi cửa Mỹ Á .*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Tất Thành *(đường tránh Đông)*
- Điểm cuối giáp cửa Mỹ Á.
- Chiều dài 1,340km.
- Mặt cắt ngang: 26m.
- Kết cấu mặt đường: bê tông nhựa.

3. Đường: **Trần Hưng Đạo** tuyến ký hiệu 03.

- *Từ Quốc lộ 1A (cũ) đến cầu vượt đường tránh đông (UBND xã Phổ Minh).*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Tất Thành (đường tránh đông).
- Điểm cuối giáp đường Nguyễn Nghiêm.
- Chiều dài: 2,000km.
- Mặt cắt ngang: 26m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

4. Đường: **Nguyễn Nghiêm** - tuyến ký hiệu 04.

- *Từ Cầu Bà Hợi đến Cầu Bàu (đường Quốc lộ 1A cũ).*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Tất Thành.
- Điểm cuối giáp đường Hùng Vương.
- Chiều dài: 4,500km.
- Mặt cắt ngang: 32m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

5. Đường: **Lê Thánh Tôn** - tuyến ký hiệu 05.

- *Từ Quốc lộ 1A (cũ) đi Khu Công nghiệp (KCN) Phổ Phong.*

- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Nghiêm,
- Điểm cuối giáp đường đi KCN Phổ Phong.
- Chiều dài: 1,170km.
- Mặt cắt ngang: 26m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

6. Đường: **Phạm Quy** - tuyến ký hiệu 06.
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Tất Thành *(đường tránh Đông)*,
- Điểm cuối giáp đường Đồng Thị Minh.
- Chiều dài 0,750km.
- Mặt cắt ngang: 7m
- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.

7. Đường: **Võ Thị Sáu** - tuyến ký hiệu 07.
- *Đường đi UBND xã Phổ Minh.*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Tất Thành (đường tránh Đông),
- Điểm cuối giáp đường Phạm Văn Đồng.
- Chiều dài: 0,5km.
- Mặt cắt ngang: 7m
- Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.

8. Đường: **Nguyễn Trãi** - tuyến ký hiệu 08.
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Tất Thành,
- Điểm cuối giáp đường Lê Lợi.
- Chiều dài: 0,810km.
- Mặt cắt ngang: 21m
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

9. Đường: **Lê Lợi** - tuyến ký hiệu 09.
- *Đường cầu bà Kỳ đi ngã 3 bà Bướm (Đường quy hoạch).*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Trãi,
- Điểm cuối giáp đường Quang Trung.
- Chiều dài: 1,500 km.
- Mặt cắt ngang: 21m
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

10. Đường: **Phạm Văn Đồng** - tuyến ký hiệu 10.
- *Đối diện Khu Tưởng niệm huyện Đức Phổ.*
- Điểm đầu giáp đường Trần Hưng Đạo *(Quốc lộ 1A - Mỹ Á)*,
- Điểm cuối giáp đường Hùng Vương *(Quốc lộ 1A – Phổ Vinh).*
- Chiều dài 2,660km.

- Mặt cắt ngang: 26m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

11. Đường: **Trương Quang Trọng** - tuyến ký hiệu 11.
- Điểm đầu giáp đường Trần Hưng Đạo,
- Điểm cuối giáp đường Đoàn Nhật Nam.
- Chiều dài: 0,590km.
- Mặt cắt ngang: 11m.
- Kết cấu mặt đường: đá dăm, láng nhựa.

12. Đường: **Lê Văn Cao** - tuyến ký hiệu 12.
- Điểm đầu giáp đường Đoàn Nhật Nam.
- Điểm cuối giáp khu dân cư (KDC) nhà bà Siêng.
- Chiều dài: 0,380km
- Mặt cắt ngang: 13m.
- Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.

13. Đường: **Đoàn Nhật Nam** - tuyến ký hiệu 13.
- *Phía Bắc Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm.*
- Điểm đầu giáp đường Phạm Văn Đồng,
- Điểm cuối giáp đường Huỳnh Công Thiệu.
- Chiều dài: 0,220km.
- Mặt cắt ngang: 13m.
- Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.

14. Đường: **Huỳnh Công Thiệu** - tuyến ký hiệu 14.
- Điểm đầu giáp đường Trần Hưng Đạo,
- Điểm cuối giáp đường Phạm Hữu Nhật.
- Chiều dài: 0,670km.
- Mặt cắt ngang: 18m.
- Kết cấu mặt đường: bêtông nhựa.

15. Đường: **Đỗ Quang Thắng** - tuyến ký hiệu 15.
- *Đường phía bắc UBND huyện (trước Nhà văn hóa).*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Nghiêm,
- Điểm cuối giáp đường Phạm Hữu Nhật.
- Chiều dài: 0,880km.
- Mặt cắt ngang: 18m.
- Kết cấu mặt đường: bêtông nhựa.

16. Đường: **Phạm Quang Ảnh** - tuyến ký hiệu 16.
- Điểm đầu giáp đường Trần Hưng Đạo,

- Điểm cuối giáp đường Huỳnh Công Thiệu.
- Chiều dài: 0,640km.
- Mặt cắt ngang: 7m.
- Kết cấu mặt đường: bê tông xi măng.

17. Đường: **Hoàng Sa** - tuyến ký hiệu 17.

- *Đường lên nhà ông Bích.*
- Điểm đầu giáp đường Huỳnh Công Thiệu,
- Điểm cuối giáp đường Trường Sa.
- Chiều dài 0,380km.
- Mặt cắt ngang: 7m
- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.

18. Đường: **Trường Sa** - tuyến ký hiệu 18.

- *Đường ra xóm Muống cũ.*
- Điểm đầu giáp đường Trần Hưng Đạo,
- Điểm cuối giáp đường Lý Thái Tổ.
- Chiều dài: 0,590km.
- Mặt cắt ngang: 7m
- Kết cấu mặt đường: bê tông, xi măng.

19. Đường: **Lý Thái Tổ** - tuyến ký hiệu 20.

- *Đường qui hoạch.*
- Điểm đầu giáp đường Trần Hưng Đạo,
- Điểm cuối giáp đường Trần Phú.
- Chiều dài: 0,800km.
- Mặt cắt ngang: 21m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

20. Đường: **Phạm Hữu Nhật** - tuyến ký hiệu 19.

- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Nghiêm *(nhà máy nước)*,
- Điểm cuối giáp Trạm điện.
- Chiều dài: 1km.
- Mặt cắt ngang: 26m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

21. Đường: **Nguyễn Công Phương** - tuyến ký hiệu 21.

- *Đường nội thị khu dân cư (KDC) quân đội.*
- Điểm đầu giáp đường Phạm Hữu Nhật,
- Điểm cuối giáp BCH Quân sự huyện Đức Phổ.
- Chiều dài 0,210km.

- Mặt cắt ngang: 13m
- Kết cấu mặt đường: cấp phối.

22. Đường: **Trần Phú** - tuyến ký hiệu 22.
- *Quốc lộ 1A đi Đài Truyền thanh.*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Nghiêm,
- Điểm cuối giáp đường Phạm Văn Đồng (khu tưởng niệm huyện).
- Chiều dài 0,620km.
- Mặt cắt ngang: 26m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

23. Đường: **Nguyễn Siềng** - tuyến ký hiệu 23.
- Điểm đầu giáp đường Trần Phú.
- Điểm cuối giáp đường Trần Kiên.
- Chiều dài 0,130km.
- Mặt cắt ngang: 7m
- Kết cấu mặt đường: bê tông xi măng.

24. Đường: **Trần Kiên** - tuyến ký hiệu 24.
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Nghiêm *(nhà bác sĩ Đức)*,
- Điểm cuối giáp Quang Trung (ngã 4 TDP 1).
- Chiều dài: 0,750km.
- Mặt cắt ngang: 11m.
- Kết cấu mặt đường: đá dăm, láng nhựa.

25. Đường: **Tế Hanh** - tuyến ký hiệu 25.
- *Đường xuống nhà bà Cẩm.*
- Điểm đầu giáp đường Lê Lợi,
- Điểm cuối giáp đường Trần Kiên.
- Chiều dài 0,140km.
- Mặt cắt ngang: 7m
- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.

26. Đường: **Lê Thị Hồng Gấm** - tuyến ký hiệu 26.
- *Nằm phía đông Huyện ủy Đức Phổ.*
- Điểm đầu giáp đường Đỗ Quang Thắng,
- Điểm cuối giáp đường Trần Anh Tế.
- Chiều dài: 0,180km.
- Mặt cắt ngang: 11m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.

27. Đường: **Trần Anh Tế** - tuyến ký hiệu 27.

- *Nằm đối diện Ao cá Bác Hồ cũ.*
- Điểm đầu giáp ngã tư đường Phạm Văn Đồng,
- Điểm cuối giáp đường Trương Quang Giao.
- Chiều dài : 0,250km.
- Mặt cắt ngang: 11m.
- Kết cấu mặt đường: đá dăm, láng nhựa.

28. Đường: **Trương Quang Giao** - tuyến ký hiệu 28.
- Điểm đầu đường Nguyễn Nghiêm,
- Điểm cuối giáp ngã 4 tổ dân phố (TDP) 1.
- Chiều dài: 1,030km.
- Mặt cắt ngang: 13m.
- Kết cấu mặt đường: bêtông ximăng.

29. Đường: **Thanh Chương** - tuyến ký hiệu 29.
- Điểm đầu giáp đường Trương Quang Giao,
- Điểm cuối giáp đường Xô Viết Nghệ Tĩnh.
- Chiều dài 0,320km.
- Mặt cắt ngang: 13m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

30. Đường: **Xô Viết Nghệ Tĩnh** - tuyến ký hiệu 30.
- *Từ Cây xăng bà Nương đi ngã 4 TDP 1.*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Nghiêm,
- Điểm cuối giáp ngã 4 TDP 1.
- Chiều dài: 0,570km.
- Mặt cắt ngang: 21m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

31. Đường: **Quang Trung** - tuyến ký hiệu 31.
- *Đường đi bệnh viện cũ.*
- Điểm đầu giáp ngã 4 TDP 1.
- Điểm cuối giáp đường Nguyễn Tất Thành.
- Chiều dài 2,090km.
- Mặt cắt ngang: 21m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng + láng nhựa.

32. Đường: **Nguyễn Chánh** - tuyến ký hiệu 32.
- *Đường đi Phổ Vinh.*
- Điểm đầu ngã tư TDP 1,
- Điểm cuối giáp đường Nguyễn Tất Thành *(đường tránh Đông).*

- Chiều dài: 2,6km.
- Mặt cắt ngang: 7m
- Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.

33. Đường: **Huỳnh Thúc Kháng** - tuyến ký hiệu 33.
- Điểm đầu giáp đường Hùng Vương *(Quốc lộ 1A – Phổ Vinh),*
- Điểm cuối giáp đường Quang Trung.
- Chiều dài 0,550km.
- Mặt cắt ngang: 32 m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa (theo qui hoạch).

34. Đường: **Phan Long Bằng** - tuyến ký hiệu 34.
- Điểm đầu giáp đường Hùng Vương,
- điểm cuối giáp đường Nguyễn Chánh.
- Chiều dài : 0,420km.
- Mặt cắt ngang: 21m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

35. Đường: **Võ Trung Thành** - tuyến ký hiệu 35.
- *Đường đối diện cafe Cẩm Viên.*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Nghiêm,
- Điểm cuối giáp Nguyễn Chánh.
- Chiều dài: 0,580km.
- Mặt cắt ngang: 18m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

36. Đường: **Hai Bà Trưng** - tuyến ký hiệu 36.
- *Từ Quốc lộ 1 (đối diện xí nghiệp gỗ Trung Anh) đi trung tâm Thể dục – Thể thao (TDTT)*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Nghiêm.
- Điểm cuối giáp trung tâm TDTT.
- Chiều dài : 0,430km.
- Mặt cắt ngang: 21m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa (đường qui hoạch).

37. Đường: **Phan Thái Ất** - tuyến ký hiệu 37.
- *Phía bắc Nhà máy nước sạch*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Nghiêm.
- Điểm cuối giáp đường Võ Tòng.
- Chiều dài: 0.980km.
- Mặt cắt ngang: 7m.

- Kết cấu mặt đường: bê tông, xi măng.

38. Đường: **Nguyễn Bỉnh Khiêm** - tuyến ký hiệu 38.

- *Nằm phía đông, sát trường Nguyễn Nghiêm.*
- Điểm đầu giáp đường Phan Thái Ất,
- Điểm cuối giáp đường Chu Văn An.
- Chiều dài: 0,430km.
- Mặt cắt ngang: 7m.
- Kết cấu mặt đường: bê tông, xi măng.

39. Đường: **Võ Tùng** - tuyến ký hiệu 39.

- *Đường đi về xã Phổ Nhơn.*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Du.
- Điểm cuối giáp đường Sắt.
- Chiều dài: 0,840km.
- Mặt cắt ngang: 7m.
- Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.

40. Đường: **Nguyễn Du** - tuyến ký hiệu 40.

- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Nghiêm (*từ cống ông Võ)*,
- Điểm cuối giáp Ga Đức Phổ.
- Chiều dài: 0,960km.
- Mặt cắt ngang: 18m.
- Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.

41. Đường: **Trần Quang Diệu** - tuyến ký hiệu 41.

- Điểm đầu giáp Nguyễn Du,
- Điểm cuối giáp đường Bùi Thị Xuân.
- Chiều dài: 0,410km.
- Mặt cắt ngang: 13m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.

42. Đường: **Nguyễn Đình Chiểu** - tuyến ký hiệu 42.

- *Đường nằm phía tây chùa Phước Lâm.*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Du,
- Điểm cuối giáp đường Chu Văn An.
- Chiều dài 0,210km.
- Mặt cắt ngang: 7m
- Kết cấu mặt đường: cấp phối.

43. Đường: **Chu Văn An** - tuyến ký hiệu 43.

- *Đường lên chùa Phước Lâm.*

- Điểm đầu giáp ngã 5 chợ.
- Điểm cuối giáp đường sắt.
- Chiều dài: 0,760km.
- Mặt cắt ngang: 13m.
- Kết cấu mặt đường: đá dăm láng nhựa.

44. Đường: **Trương Định** - tuyến ký hiệu 44.

- *Đường lên chợ Đức Phổ.*
- Điểm đầu giáp ngã 4 đèn báo hiệu *(đường Nguyễn Nghiêm)*,
- Điểm cuối giáp đường Sắt (đập An Thọ).
- Chiều dài: 1,300km.
- Mặt cắt ngang: 7m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.

45. Đường: **Bùi Thị Xuân** - tuyến ký hiệu 45.

- *Nằm phía Nam chợ Đức Phổ (Quốc lộ 1A lên nhà ông Phúc).*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Nghiêm,
- Điểm cuối giáp đường Nguyễn Bá Loan.
- Chiều dài 0,300km.
- Mặt cắt ngang: 13m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.

46. Đường: **Nguyễn Bá Loan** - tuyến ký hiệu 46.

- *Suối Điền đi sân vận động Phổ Hòa.*
- Điểm đầu giáp đường Trương Định,
- Điểm cuối giáp đường đi sân vận động Phổ Hòa (cũ).
- Chiều dài: 0,360km.
- Mặt cắt ngang: 7m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.

47. Đường: **Hồ Xuân Hương** - tuyến ký hiệu 47.

- *Đường lên nhà ông Bùi Tất Thắng.*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Nghiêm,
- Điểm cuối giáp đường sắt.
- Chiều dài: 0,500km.
- Mặt cắt ngang: 7m
- Kết cấu mặt đường: bê tông xi măng.

48. Đường: **Phạm Xuân Hòa** - tuyến ký hiệu 48.

- *Từ Cầu Bàu đến Trạm Cảnh sát giao thông phía nam.*
- Điểm đầu giáp đường Hùng Vương,

- Điểm cuối giáp đường Nguyễn Tất Thành.
- Chiều dài: 3,5km.
- Mặt cắt ngang: 32m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

49. Đường: **Hùng Vương** - tuyến ký hiệu 49.

- *Đường Quốc lộ 1A đi Phổ Vinh.*
- Điểm đầu giáp đường Nguyễn Nghiêm *(đường Quốc lộ 1A),*
- Điểm cuối giáp cửa Mỹ Á.
- Chiều dài tuyến đường: 4km.
- Mặt cắt ngang: 41m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

II. Công trình công cộng

a) Quảng Trường ngày 8 tháng 10

Địa điểm: Gò Hội

b) Công viên 23 tháng 3

Địa điểm: Gò hội./.

PHỤ LỤC 02

Đặt tên các tuyến đường trên địa bàn thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn

(Kèm theo Tờ trình số 34 /TTr-UBND ngày 14/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

1. Đường Phạm Văn Đồng (Quốc lộ 1A)

Chiều dài tuyến: 2.193m

Mặt cắt ngang: 20m

Điểm đầu - điểm cuối: Ngã tư QL1 Đường Trung Dương đến Cầu Sói Bình Long

Hệ Thống đường: Hiện trạng

2/ Đường Trần Kỳ Phong

Chiều dài tuyến: 1.209m

Mặt cắt ngang: 7,0m

Điểm đầu - điểm cuối: Huyện đội (ĐT 621) - Quán cafê Thành Tiên

Hệ Thống đường: Hiện trạng

3/ Đường Tế Hanh

Chiều dài tuyến: 908m

Mặt cắt ngang: 10,5m

Điểm đầu - điểm cuối: QL1 (cầu Châu Ổ) – Trung tâm TDTT huyện

Hệ Thống đường: Hiện trạng

4/ Đường Phan Điệt

Chiều dài tuyến: 845m

Mặt cắt ngang: 4,5m

Điểm đầu - điểm cuối: QL1 đến Trạm điện 35 đến Nhà ông Lang (công an)

Hệ Thống đường: Hiện trạng

5/ Đường Nguyễn Tự Tân

Chiều dài tuyến: 926m

Mặt cắt ngang: 7,5m

Điểm đầu - điểm cuối: Nhà ông Trương Quang Điềm (TDP2) – Huyện Đội (ĐT 621)

Hệ Thống đường: Hiện trạng

6/ Đường Trần Công Hiến

Chiều dài tuyến: 720 m

Mặt cắt ngang: 7,5m

Điểm đầu - điểm cuối: Cầu sài đến ngã tư Trung Dương đến Ngã 3 Chí Nguyện

Hệ Thống đường: Hiện trạng

7/ Đường Vạn Tường

Chiều dài tuyến: 720 m

Mặt cắt ngang: 7,0m

Điểm đầu - điểm cuối: QL1 đến Trường PTTH Bình Sơn đến Trung Tâm TDTT huyện

Hệ Thống đường: Hiện trạng

8/ Đường Huỳnh Tấu

Chiều dài tuyến: 412m

Mặt cắt ngang: 7,5m

Điểm đầu - điểm cuối: QL1 đến Giáp xã Bình Trung (đường Trung Minh)

Hệ Thống đường: Hiện trạng

9/ Đường Quỳnh Lưu

Chiều dài tuyến: 820m

Mặt cắt ngang: 5,5m

Điểm đầu - điểm cuối: QL1 (Bắc cầu Châu Ổ) đến nhà ông Thám đến giáp xã Bình Trung

Hệ Thống đường: Hiện trạng

10/ Đường Lê Ngung

Chiều dài tuyến: 740m

Mặt cắt ngang: 7,0m

Điểm đầu - điểm cuối: QL1 (Nam cầu Châu Ổ) đến giáp Bình Thới (Núi Châu Má)

Hệ Thống đường: Hiện trạng

11/ Đường Lê Thị Hành

Chiều dài tuyến: 706m

Mặt cắt ngang: 7,0m

Điểm đầu - điểm cuối: TL621 (TT Bồi Dưỡng Chinh trị) đến Bến xe đến giáp đường Cầu sói huyện đội

Hệ Thống đường: Hiện trạng

12/ Đường Nguyễn Bi

Chiều dài tuyến: 696m

Mặt cắt ngang: 4m

Điểm đầu - điểm cuối: TL 621 (Cơ quan quân sự huyện) đến Sân Vận động thị trấn

Hệ Thống đường: Hiện trạng

13/ Đường Võ Quán

Chiều dài tuyến: 612m

Mặt cắt ngang: 6,0m

Điểm đầu - điểm cuối: QL1 (hàng rào phía bắc UBND TT Châu Ổ) đến nhà Mạnh Cường

Hệ Thống đường: Hiện trạng

14/ Đường Võ Thị Đệ

Chiều dài tuyến: 550m

Mặt cắt ngang: 7,0m

Điểm đầu - điểm cuối: QL1- Bệnh viện Đa khoa huyện Bình Sơn

Hệ Thống đường: Hiện trạng

15/ Đường Trần Thị Khải

Chiều dài tuyến: 530m

Mặt cắt ngang: 6,0m

Điểm đầu - điểm cuối: QL1 (nhà Bà Nguyệt) đến Trung tâm TDTT huyện

Hệ Thống đường: Hiện trạng

16/ Đường Ngô Đạt

Chiều dài tuyến: 456m

Mặt cắt ngang: 6,0m

Điểm đầu - điểm cuối: QL1 (Đối diện UBND TT Châu Ổ)- lên xóm gốm - Giáp Bình Long

Hệ Thống đường: Hiện trạng

17/ Đường Huỳnh Thị Thanh Trà

Chiều dài tuyến: 428m

Mặt cắt ngang: 3,5m

Điểm đầu - điểm cuối: QL1 (hàng rào phía nam UBND TT Châu Ổ đến nhà bà Bạch Thị Bích Hợp đến TL621 (đoạn nhà may Khiêm)

Hệ Thống đường: Hiện trạng

18/ Đường Phạm Chương

Chiều dài tuyến: 420m

Mặt cắt ngang: 3,5m

Điểm đầu - điểm cuối: Bờ kè nam (đoạn phía tây) – Nhà Ông Tui (Vẽ)

Hệ Thống đường: Hiện trạng

19/ Đường Huỳnh Tấn Lợi

Chiều dài tuyến: 417m

Mặt cắt ngang: 3,5m

Điểm đầu - điểm cuối: QL1 (chùa Diệu Giác) đến Trường Lê Quí Đôn

Hệ Thống đường: Hiện trạng

20/ Đường Nguyễn Công Say

Chiều dài tuyến: 410m

Mặt cắt ngang: 3,5m

Điểm đầu - điểm cuối: TL621 (đối diện nhà ông Nguyễn Hồng) – Kè Đông nam Châu Ổ (Núi Châu má)

Hệ Thống đường: Hiện trạng

21/ Đường Võ Đức Quốc

Chiều dài tuyến: 500m

Mặt cắt ngang: 3,5m

Điểm đầu - điểm cuối: Bờ kè Nam (đoạn phía Tây) đến KDC số 4, TDP 2 đến nhà ông Hoàng

Hệ Thống đường: Hiện trạng

22/ Đường Tu Nhân Đạo

Chiều dài tuyến: 310m

Mặt cắt ngang: 4,5m

Điểm đầu - điểm cuối: QL1 đến Trường Nguyễn Tự Tân đến Chùa Từ Vân

Hệ Thống đường: Hiện trạng

23/ Đường Đoàn Khắc Nhượng

Chiều dài tuyến: 355m

Mặt cắt ngang: 6 m

Điểm đầu - điểm cuối: Bờ kè Bắc sông trà Bồng (nhà ông Sơn) đến Nhà trẻ, mẫu giáo TDP 6 đến Trường PTTH Bình Sơn

Hệ Thống đường: Hiện trạng

24/ Đường Nguyễn Văn Hoàng

Chiều dài tuyến: 113m

Mặt cắt ngang: 6m

Điểm đầu - điểm cuối: Đường Trung Minh (nhà ông Súy) đến Bờ đê sông Trà Bồng

Hệ Thống đường: Hiện trạng

25/ Đường Trần Bảng

Chiều dài tuyến: 600m

Mặt cắt ngang: 3,5m

Điểm đầu - điểm cuối: Đường Trung Minh (Đoạn đối diện nhà Ông Hồng) đến đoạn nhà Ông Thuần

Hệ Thống đường: Hiện trạng./.

PHỤ LỤC 03

Đặt tên các tuyến đường trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi

(Kèm theo Tờ trình số 34 /TTr-UBND ngày 14/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

1. Đường Lý Thánh Tông - tuyến ký hiệu 01; phường Quảng Phú.
- Điểm đầu: Đường Nguyễn Chí Thanh.
- Điểm cuối: Đường số 4 *(ký hiệu đường chưa được đặt tên)*.
- Chiều dài: 1.441,0m.
- Mặt cắt đường: 25m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (5 - 15 – 5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

2. Đường: **Nguyễn Trường Tộ** - tuyến ký hiệu 02; phường Quảng Phú.
- Điểm đầu: Đường Lý Thánh Tông.
- Điểm cuối: Đường số 6 *(ký hiệu đường chưa được đặt tên)*.
- Chiều dài: 663,0m.
- Mặt cắt đường: 15,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (4 – 7,5 – 4)
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

3. Đường: **Đặng Văn Ngữ** - tuyến ký hiệu 03; phường Nghĩa Lộ.
- Điểm đầu: Đường Lê Hữu Trác.
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Đình Chiểu.
- Chiều dài: 423,0m.
- Mặt cắt đường: 16,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (4,5 - 7,5 - 4,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

4. Đường: **Xuân Diệu** - tuyến ký hiệu 04; phường Nghĩa Lộ.
- Điểm đầu: Đường Trần Tế Xương.
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Đình Chiểu.
- Chiều dài: 239,0m.
- Mặt cắt đường: 16,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (4,5 - 7,5 - 4,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

5. Đường: **Hồ Đắc Di** - tuyến ký hiệu 05; phường Nghĩa Lộ.
- Điểm đầu: Đường Lê Hữu Trác.
- Điểm cuối: Đường Trần Tế Xương.

- Chiều dài: 180,0m.
- Mặt cắt đường: 16,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (4,5 - 7,5 - 4,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

6. Đường: **Lý Đạo Thành** - tuyến ký hiệu 06; phường Trần Phú.
- Điểm đầu: Đường An Dương Vương.
- Điểm cuối: Đường Trần Cao Vân.
- Chiều dài: 440,0m.
- Mặt cắt đường: 12,0m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

7. Đường: **Thành Thái** - tuyến ký hiệu 07; phường Trần Phú.
- Điểm đầu: Đường Chu Văn An.
- Điểm cuối: Đường Trần Cao Vân.
- Chiều dài: 764,0m.
- Đường có 2 mặt cắt:

* Đoạn 1 từ đường Chu Văn An đến đường Trương Định:
+ Chiều dài: 300,0m.
+ Mặt cắt đường: 7,5m.
+ Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 - 4,5 -1,5).
+ Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

* Đoạn 2 từ đường Trương Định đến đường Trần Cao Vân:
+ Chiều dài: 464,0m.
+ Mặt cắt đường: 12,0m.
+ Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).
+ Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa (đoạn từ đường Trương Định - đường Tố Hữu) và láng nhựa (đoạn từ đường Tố Hữu - đường Trần Cao Vân).

8. Đường: **Nguyễn Tấn Kỳ** - tuyến ký hiệu 08; phường Trần Phú.
- Điểm đầu: Đường Nguyễn Khuyến.
- Điểm cuối: Đường Trần Cao Vân.
- Chiều dài: 594,0m.
- Đường có 2 mặt cắt:

Đoạn 1 từ đường Nguyễn Khuyến đến đường Trương Định.
+ Chiều dài: 130,0m.
+ Mặt cắt đường: 7,5m.
+ Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 - 4,5 -1,5).

+ Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

Đoạn 2 từ đường Trương Định đến đường Trần Cao Vân.

+ Chiều dài: 464,0m.

+ Mặt cắt đường: 12,0m.

+ Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 – 7,0 – 2,5).

+ Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa (đoạn từ đường Trương Định – đường Tố Hữu) và láng nhựa (đoạn từ đường Tố Hữu – đường Trần Cao Vân).

9. Đường: **Huỳnh Tấu** - tuyến ký hiệu 09; phường Trần Phú.

- Điểm đầu: Đường Tôn Đức Thắng.
- Điểm cuối: Đường Thành Thái.
- Chiều dài: 90,0m.
- Mặt cắt đường: 12,0m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

10. Đường: **Trần Vỹ** - tuyến ký hiệu 10; phường Trần Phú.

- Điểm đầu: Đường Tôn Đức Thắng.
- Điểm cuối: Đường Thành Thái.
- Chiều dài: 90,0m.
- Mặt cắt đường: 12,0m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

11. Đường: **Trương Quyền** - tuyến ký hiệu 11; phường Trần Phú.

- Điểm đầu: Đường Tôn Đức Thắng.
- Điểm cuối: Đường Thành Thái.
- Chiều dài: 90,0m.
- Mặt cắt đường: 12,0m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

12. Đường: **Huyền Trân Công Chúa** - tuyến ký hiệu 12; phường Trần Phú.

- Điểm đầu: Đường Nguyễn Tự Tân.
- Điểm cuối: Đường Huyền Trân Công Chúa.
- Chiều dài: 365,0m.
- Mặt cắt đường: 8,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 – 5,5 – 1,5).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa (đoạn từ đường Nguyễn Tự Tân - đường đất) và cấp phối (đoạn từ đường đất - đường Huyền Trân Công Chúa).

13. Đường: **Trần Thái Tông** – tuyến ký hiệu 13; phường Trần Phú.

- Điểm đầu: Đường Tô Hiến Thành.
- Điểm cuối: Đường Trần Quốc Toản.
- Chiều dài: 608,0m.
- Mặt cắt đường: 8,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (0,5 – 7,5 – 0,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

14. Đường: **Đoàn Khắc Nhượng** - tuyến ký hiệu 14; phường Lê Hồng Phong.
- Điểm đầu: Đường Đoàn Khắc Cung.
- Điểm cuối: Khu dân cư.
- Chiều dài: 160,0m.
- Mặt cắt đường: 14,0m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,5 - 7,0 - 3,5).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa (đoạn từ đường Đoàn Khắc Cung - đường Trần Công Hiến) và Bê tông xi măng (đoạn từ đường Trần Công Hiến - Khu dân cư).

15. Đường: **Phạm Hàm** - tuyến ký hiệu 15; phường Lê Hồng Phong.
- Điểm đầu: Đường Đoàn Khắc Cung.
- Điểm cuối: Khu dân cư.
- Chiều dài: 133,0m.
- Mặt cắt đường: 12,0m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

16. Đường: **Trịnh Công Sơn** - tuyến ký hiệu 16; phường Lê Hồng Phong.
- Điểm đầu: Đường Đoàn Khắc Cung.
- Điểm cuối: Khu dân cư.
- Chiều dài: 176,0m.
- Mặt cắt đường: 14,0m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,5 - 7,0 - 3,5).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

17. Đường: **Cẩm Thành** - tuyến ký hiệu 17; phường Lê Hồng Phong.
- Điểm đầu: Phía Đông Phạm Văn Đồng.
- Điểm cuối: Phía Tây Phạm Văn Đồng.
- Chiều dài: 1.864,0m.
- Mặt cắt đường: 6,5 ÷ 10,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 ÷ 2,5 – 3,5 ÷ 5,5 – 1,2 ÷ 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

18. Đường: **Trương Đăng Trinh** - tuyến ký hiệu 18; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Huỳnh Thúc Kháng.
- Điểm cuối: Đường Trương Vĩnh Ký.
- Chiều dài: 228,0m.
- Mặt cắt đường: 12,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

19. Đường: **Trương Vĩnh Ký** - tuyến ký hiệu 19; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Trần Quang Khải.
- Điểm cuối: Đường Phan Đình Phùng.
- Chiều dài: 357,0m.
- Mặt cắt đường: 16,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (4,5 - 7,5 - 4,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

20. Đường: **Thái Thú** - tuyến ký hiệu 20; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Phan Văn Trị.
- Điểm cuối: Đường Phan Đình Phùng.
- Chiều dài: 131,0m.
- Mặt cắt đường: 12,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

21. Đường: **Phan Văn Trị** - tuyến ký hiệu 21; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Trương Vĩnh Ký.
- Điểm cuối: Đường Trường Chinh.
- Chiều dài: 228,0m.
- Mặt cắt đường: 12,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

22. Đường: **Nguyễn Thái Học** - tuyến ký hiệu 22; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Huỳnh Thúc Kháng.
- Điểm cuối: Đường Trường Chinh.
- Chiều dài: 471,0m.
- Mặt cắt đường: 32,0m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (4,25 - 23,5 - 4,25).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

23. Đường: **Phạm Tuân** - tuyến ký hiệu 23; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Trần Quang Khải.

- Điểm cuối: Đường Trương Đăng Trinh.
- Chiều dài: 324,0m.
- Mặt cắt đường: 12,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

24. Đường: **Võ Hàng** - tuyến ký hiệu 24; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Trần Quang Khải.
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Thái Học.
- Chiều dài: 160,0m.
- Mặt cắt đường: 12,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

25. Đường: **Mai Xuân Thưởng** - tuyến ký hiệu 25; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Võ Hàng.
- Điểm cuối: Đường Xuân Thủy.
- Chiều dài: 285,0m.
- Mặt cắt đường: 12,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

26. Đường: **Xuân Thủy** - tuyến ký hiệu 26; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Trần Quang Khải.
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Thái Học.
- Chiều dài: 137,0m.
- Mặt cắt đường: 12,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

27. Đường: **Đường Ngọc Cảnh** - tuyến ký hiệu 27; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Trỗi.
- Điểm cuối: Đường Lý Chính Thắng.
- Chiều dài: 278,0m.
- Mặt cắt đường: 11,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

28. Đường: **Vân Đông** - tuyến ký hiệu 28; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Đường Ngọc Cảnh.
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Trung Trực.

- Chiều dài: 119,0m.
- Mặt cắt đường: 11,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

29. Đường: **Nguyễn Trung Trực** - tuyến ký hiệu 29; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Đinh Duy Tự.
- Điểm cuối: Đường Đường Ngọc Cảnh.
- Chiều dài: 323,0m.
- Mặt cắt đường: 11,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

30. Đường: **Lý Chính Thắng** - tuyến ký hiệu 30; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường 11m chưa thi công (đường chưa đặt tên).
- Điểm cuối: Đường Trần Quang Khải.
- Chiều dài: 356,0m.
- Mặt cắt đường: 11,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

31. Đường: **Phạm Đường** - tuyến ký hiệu 31; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Lý Chính Thắng.
- Điểm cuối: Đường Võ Thị Đệ.
- Chiều dài: 147,0m.
- Mặt cắt đường: 11,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

32. Đường: **Nguyễn Văn Trỗi** - tuyến ký hiệu 32; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Huỳnh Thúc Kháng.
- Điểm cuối: Đường Võ Thị Đệ.
- Chiều dài: 426,0m.
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
- Đường có 2 mặt cắt:

* Đoạn 1 từ đường Huỳnh Thúc Kháng đến đường Mạc Đăng Dung:
+ Chiều dài: 135,0m.
+ Mặt cắt đường: 24,0m.
+ Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 18,0 -3,0).

* Đoạn 2 từ đường Mạc Đăng Dung đến đường Võ Thị Đệ:

+ Chiều dài: 291,0m.

+ Mặt cắt đường: 11,5m.

+ Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).

33. Đường: **Mạc Đăng Dung** - tuyến ký hiệu 33; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Nguyễn Tri Phương.
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Văn Trỗi.
- Chiều dài: 144,0m.
- Mặt cắt đường: 13,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 -7,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

34. Đường: **Đinh Duy Tự** - tuyến ký hiệu 34; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Mạc Đăng Dung.
- Điểm cuối: Đường 11m chưa thi công (đường chưa đặt tên).
- Chiều dài: 167,0m.
- Mặt cắt đường: 11,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

35. Đường: **Trần Quý Cáp** - tuyến ký hiệu 35; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường 11m chưa thi công (đường chưa đặt tên).
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Văn Trỗi.
- Chiều dài: 150,0m.
- Mặt cắt đường: 11,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

36. Đường: **Đinh Triều** - tuyến ký hiệu 36; phường Nghĩa Chánh.

- Điểm đầu: Đường Nguyễn Năng Lự.
- Điểm cuối: Đường Quang Trung.
- Chiều dài: 330,0m.
- Đường có 3 mặt cắt:

* Đoạn 1 từ đường Nguyễn Năng Lự đến Ngã 3:

+ Chiều dài: 30,0m.

+ Mặt cắt đường: 8,5.

+ Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 - 5,5 -1,5).

+ Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

* Đoạn 2 từ Ngã 3 đến Ngã 4:

+ Chiều dài: 200,0m.

+ Mặt cắt đường: 5,0m.

+ Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (0,0 - 5,0 - 0,0).

+ Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.

* Đoạn 3 từ Ngã 4 đến đường Quang Trung:

+ Chiều dài: 100,0m.

+ Mặt cắt đường: 7,0m.

+ Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (0,0 - 7,0 - 0,0).

+ Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

37. Đường: **Kim Đồng** - tuyến ký hiệu 37; phường Nghĩa Chánh.

- Điểm đầu: Khu dân cư.
- Điểm cuối: Đường Vạn Tường.
- Chiều dài: 290,0m.
- Mặt cắt đường: 8,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 - 5,5 - 1,5).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

38. Đường: **Chu Huy Mân** - tuyến ký hiệu 38; phường Nghĩa Chánh.

- Điểm đầu: Đường 11m (đường mới chưa đặt tên).
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Du.
- Chiều dài: 264,0m.
- Mặt cắt đường: 9,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,0 - 5,5 - 2,0).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

39. Đường: **Trần Nam Trung** - tuyến ký hiệu 39; phường Nghĩa Chánh.

- Điểm đầu: Đường Chu Huy Mân.
- Điểm cuối: Đường Trương Quang Giao.
- Chiều dài: 142,0m.
- Mặt cắt đường: 11,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

40. Đường: **Trương Quang Đản** - tuyến ký hiệu 40; phường Nghĩa Chánh.

- Điểm đầu: Đường Chu Huy Mân.
- Điểm cuối: Đường Trần Thị Hiệp.
- Chiều dài: 209,0m.
- Mặt cắt đường: 9,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,0 - 5,5 - 2,0).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

41. Đường: **Trần Thủ Độ** - tuyến ký hiệu 41; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Trần Khánh Dư.
- Điểm cuối: Đường Gom chưa thi công.
- Chiều dài: 658,0m.
- Mặt cắt đường: 18,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (4,0 - 10,5 - 4,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

42. Đường: **Lý Chiêu Hoàng** - tuyến ký hiệu 42; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Trần Thủ Độ.
- Điểm cuối: Đường Nguyễn An.
- Chiều dài: 235,0m.
- Mặt cắt đường: 14,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,5 - 7,5 - 3,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

43. Đường: **Nguyễn Hữu Cảnh** - tuyến ký hiệu 43; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Trần Thủ Độ.
- Điểm cuối: Đường Trần Khánh Dư.
- Chiều dài: 632,0m.
- Mặt cắt đường: 18,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (4,0 - 10,5 - 4,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

44. Đường: **Nguyễn An** - tuyến ký hiệu 44; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Nguyễn Hữu Cảnh.
- Điểm cuối: Đường Gom chưa thi công.
- Chiều dài: 284,0m.
- Mặt cắt đường: 14,5m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (3,5 - 7,5 - 3,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

45. Đường: **Trường Sa** - tuyến ký hiệu 45; Xã Nghĩa Dõng và Nghĩa Dũng.
- Điểm đầu: Đường ven biển Dung Quốc Sa Huỳnh.
- Điểm cuối: Đường Bà Triệu.
- Chiều dài: 8.800,0m.
- Mặt cắt đường: 36,0m.
- Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (8 – 22 – 6).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

46. Đường: **Trần Anh Tông**- tuyến ký hiệu 46; Xã Nghĩa Dõng và Nghĩa Dũng.

- Điểm đầu: Giáp địa giới hành chính xã Nghĩa Hà.
- Điểm cuối: Ngã Tư Ba La.
- Chiều dài: 3.986,0m.
- Mặt cắt đường: 7,5m; vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (0,0 – 7,5 – 0,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.

47. Đường: **Hồ Quý Ly** - tuyến ký hiệu 47; Xã Nghĩa Dõng và Nghĩa Dũng.
- Điểm đầu: Hết địa phận xã Nghĩa Hà.
- Điểm cuối: Ngã Tư Ba La.
- Chiều dài: 3.800,0m.
- Mặt cắt đường: 7,5m; vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (0,0 – 7,5 – 0,0).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa./.